TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **471**/2026/QĐST-HNGĐ	

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 390/2026/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2026, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Đoạn Thị H, sinh năm 1997.

Số CCCD: 008197005138 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 12/8/2022.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1995.

Số CCCD: 008095010582 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 08/9/2022.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đoạn Thị H và anh Hà Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2017 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (nay là xã K), tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 07/7/2017 cho chị Đoạn Thị H và anh Hà Văn C không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung là Hà Diễm M, sinh ngày 24/11/2017 và Hà Khánh A, sinh ngày 06/7/2021 cho anh Hà Văn Cương trực T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đoạn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hà Diễm M, sinh ngày 24/11/2017 với mức là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; nuôi cháu Hà Khánh A, sinh ngày 06/7/2021 với mức là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; phương thức định kỳ hàng tháng. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án".

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV2-TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Minh Ngọc